

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 02 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Kỳ
2. Ông Hoàng Bá Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Ánh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐ-HPT ngày 31/01/2024 của TAND thị xã Nghi Sơn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th - Sinh năm 1987

Bị Đơn: Anh Đỗ Đức D - Sinh năm 1978

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Đ Th, phường HL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Th có mặt và anh Đỗ Đức D vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không chăm lo cho cuộc sống gia đình, chơi bời, nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2014 đến năm 2016 vợ chồng ly thân, nhưng đến cuối năm 2016 vì thương con nên chị đã quay lại chung sống với anh D. Tuy nhiên, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm nên vẫn thường xuyên cãi vã. Từ tháng 11/2021 đến nay, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng được ly hôn anh Đỗ Đức D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Th V, sinh ngày 16/10/2012. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện, chị Th yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng là đất và công trình trên đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 26, diện tích 126,8m² tại thôn Đ Th, phường HL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Đỗ Đức D và Lê Thị Th. Tuy nhiên, đến ngày 21/12/2023 chị Th đã rút yêu cầu khởi kiện đối với phân chia tài sản nêu trên.

Về công nợ: Chị Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Ý kiến của anh Đỗ Đức D tại bản tự khai như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh D đi làm ăn xa khi vợ đang mang bầu, khi vợ sinh con thì anh không về được vì làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Được một thời gian sau anh về nhà xin lỗi vợ, chị Th đã bỏ qua cho anh để về chung sống với nhau. Tuy nhiên, nay vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Th làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì thương con còn nhỏ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Th V, sinh ngày 16/10/2012. Anh D không muốn ly hôn, nhưng nếu chị Th nhất quyết xin ly hôn và tòa án giải quyết cho chị được ly hôn thì nguyện vọng cháu V ở với ai tùy cháu quyết định. Nếu cháu V muốn ở với mẹ thì anh D tự nguyện vấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản: Theo anh D, vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại tổ dân phố Đ Th, phường HL trị giá khoảng 1,3 tỉ đồng. Tuy nhiên, anh D không cầu tòa án phân chia tài sản. Anh trình bày nếu vợ xin ly hôn thì không được yêu cầu chia tài sản vì tài sản mặc dù tên hai vợ chồng nhưng thực tế tài là do bố mẹ, anh trai và gia đình anh giúp đỡ mới có được.

Về công nợ: Anh D trình bày, vợ chồng đang nợ ngân hàng nông nghiệp huyện Tĩnh Gia (nay là Thị xã Nghi Sơn) 150.000.000đ và nợ anh trai số tiền 300.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh D không nộp các tài liệu chứng cứ liên quan như hợp đồng vay, không nêu rõ thông tin của người cho vay và cũng không có đơn yêu cầu tòa án phân chia tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai của cháu Đỗ Lê Th V trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại địa phương: Chị Th và anh D kết hôn vào năm 2011, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố Đ Th, phường HL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng 02 năm trở lại đây, vợ chồng chị Th, anh D sống không hạnh phúc, anh D thường xuyên đi làm ăn xa. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào chị Th không báo cáo với chính quyền địa phương. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Th V, sinh ngày 16/10/2012. Về tài sản, anh chị có nhà ở chung tại tổ dân phố Đ Th, phường HL, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa, ngoài ra còn tài sản gì khác thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, anh D vắng mặt không có lý do, chị Th khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng anh D nên chị đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th. Về hôn nhân: Cho chị Th được ly hôn anh D. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Th V cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh D có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản: Chị Th và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã phường HL, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/12/2011, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không quan tâm chăm sóc gia đình, anh chị ly thân từ năm 2014 đến năm 2016, sau đó vì thương con nên anh chị lại quay lại chung sống với nhau, tuy nhiên dù cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng tiếp tục ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh D muốn đoàn tụ, nhưng anh D không đến tham gia các phiên hoà giải tại Toà án, không đến tham gia phiên tòa và cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên xử cho chị Th được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Th V, sinh ngày 16/10/2012. Hiện nay cháu V đang ở cùng mẹ, phát triển tốt; anh D thường xuyên vắng nhà, ít có thời gian chăm sóc con cái. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phù hợp với nguyện vọng của con, giao cháu V cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) là phù hợp.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Chị Th và anh D không yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản. Chị Th đã rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần tài sản.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Khoản 3 Điều 18, Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Đỗ Đức D.

- *Về con chung:* Anh chị có một con chung là cháu Đỗ Lê Th V, sinh ngày 16/10/2012. Giao cháu Đỗ Lê Th V cho chị Lê Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Lê Th V cùng chị Th mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Th và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của chị Lê Thị Th.

- *Về án phí:* Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012343 ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Th số tiền 14.406.000đ (mười bốn triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng). Anh D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường HL (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Huyền

